

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/4/2023

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT  
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quang Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Khánh Thành, ông Nguyễn Thành Long.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất ghi biên bản phiên tòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa:

*Nguyên đơn:* Anh **Mai V**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: số 60A/2, ấp BL, xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. Căn cước công dân số: 075 084 015 333.

*- Bị đơn:* Chị **Phạm L**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ liên lạc: 356A/3, ấp DM, xã N, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.  
(Anh V, chị L vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Mai V trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Mai V và chị Phạm L quen biết nhau được khoảng 04 năm và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/9/2008. Đây là hôn nhân lần đầu tiên của anh V, chị L.

Sau khi kết hôn vợ chồng trung sống với nhau tại nhà riêng tại địa chỉ 60/A ấp BL, xã GT, huyện TN. Quá trình trung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm danh dự lẫn nhau. Có nguyên nhân anh V thường xuyên đi làm xa nhà, mỗi lần vợ chồng về gặp nhau là cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài

đến năm 2017. Khi anh đi làm xa chị L tự mang hai con về nhà ngoại tại ấp Dốc Mơ 2, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất sống giềng cho đến nay. Từ đó nhiều lần anh V tìm gặp chị L nói chuyện hàn gắn vợ chồng nhưng chị L không gặp, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân mạnh ai người đó sống vợ chồng không quan tâm tới nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh V xin được ly hôn với chị Phạm L, anh V không chấp nhận về đoàn tụ gia đình.

*Về con chung:* Theo anh V vợ chồng chung sống có hai con chung là Mai Ngọc V, sinh ngày 10/8/2009, Mai Ngọc V2, sinh ngày 12/10/2016 và hiện nay hai con chung đang được chị L trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn anh V đồng ý giao các con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các cháu thành niên.

*Về tài sản chung:* Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Nợ chung anh V khai vợ chồng không có nợ chung*

*\* Bị đơn chị Phạm L vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của anh Mai V.*

\* Theo biên bản xác minh ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa anh V và chị L, được thực hiện tại nơi cư trú của các đương sự, thể hiện: Tại biên bản xác minh công an xã Gia Tân 1 cung cấp chị Phạm L đang cư trú tại nhà mẹ đẻ số nhà 356A/3 ấp DM, xã GT, huyện Thống Nhất, qua xác minh ông Trịnh Văn Tuyên trưởng ấp DM và bà Lâm Thị Phương Quỳnh – phó chủ tịch hội phụ nữ xã GT cung cấp: quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị L có mâu thuẫn hay không ban ấp và hội phụ nữ không lắm được vì ban ấp và Hội phụ nữ không thấy các đương sự trình báo cũng như yêu cầu hoà giải nên địa phương không nắm được Ngoài ra địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn gì khác.

***\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:***

**Về tố tụng:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, không có ý kiến trả lời về các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Nhận thấy ý kiến của anh V là giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hai cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng là tự nguyện cũng như nguyện vọng của cháu Vi và để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường của con trẻ. Vì vậy đề nghị giáo các con chung cho chị

L trực tiếp nuôi dưỡng, anh V cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn anh Mai V khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn chị Phạm L có nơi cư trú tại: số 356A/3 ấp DM, xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Mai V vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn chị Phạm L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh V, chị L.

#### **[2] Về nội dung:**

*Về hôn nhân:* Anh Mai V và chị Phạm L tự nguyện kết hôn có đăng ký và được xã GT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/9/2008. Căn cứ các Điều 9, Điều 11 và Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của anh V và chị L là hợp pháp.

##### **[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của anh V thì thấy:**

Theo trình bày của anh V về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị L quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm danh dự lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đến năm 2017 thì chị L tự mang hai con về nhà ngoại tại ấp DM, xã GT, huyện TN sống riêng cho đến nay. Từ đó đến nay giữa anh V và chị L đã mạnh ai nấy sống, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong cuộc sống của anh V và chị L đã để xảy ra mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục, quá trình chung sống của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể hàn gắn nên nguyện vọng ly hôn của anh V là chính đáng, căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V.

**[2.2] Về con chung:** Anh Mai V trình bày vợ chồng chung sống có hai con chung là Mai Ngọc V, sinh ngày 10/8/2009, Mai Ngọc V2, sinh ngày 12/10/2016 và hiện nay hai con chung đang được chị L trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn anh V đồng ý giao các con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con

chung, anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các cháu thành niên.

Xét thỏa thuận sự tự nguyện của anh V phù hợp với nguyện vọng của các con chung, nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định, bình thường của con trẻ. Vì vậy giao các cháu Mai Ngọc V, sinh ngày 10/8/2009, Mai Ngọc V2, sinh ngày 12/10/2016 cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh V thỏa thuận cấp dưỡng nuôi các con chung cùng chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng cần ghi nhận.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về án phí:** Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, anh V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thông Nhất tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 118 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của anh Mai V.

+ **Về quan hệ hôn nhân:** xử cho anh Mai V và chị Phạm L được ly hôn.

+ **Về con chung:** Giao các cháu Mai Ngọc V, sinh ngày 10/8/2009, Mai Ngọc V2, sinh ngày 12/10/2016 cho chị Phạm L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận anh Mai V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng thời điểm cấp dưỡng kể ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo vệ và tôn trọng mọi quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con ...).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**2. Về án phí:** Anh Mai V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008957 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Anh Mai V còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Anh V và chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H. Thống Nhất;
- UBND xã GT, h TN,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Đặng Quang Phúc**

